

THƠ CHỮ HÁN: CUNG TIỀN CẢM SỰ, HƯ KHÔNG, KIẾN NGUYỆT, DẠ ĐIỀU THANH



Bài 1:

宮前感事

公侯卿將今何在
宮殿樓臺古還存
萬事世間都逐過
留名青史教子孫

Phiên âm

CUNG TIỀN CẢM SỰ

Công hầu khanh tướng kim hà tại?
Cung điện lâu đài cổ hoàn tồn

Vạn sự thế gian đô trực quá
Lưu danh thanh sử giáo tử tôn.

Dịch nghĩa

CẢM NGHĨ TRƯỚC CUNG

Công hầu, khanh tướng nay ở nơi đâu?
Cung điện, đài xưa vẫn còn đó
Mọi chuyện trên đời thoáng đã trôi qua
Chỉ có tiếng thơm lưu sử sách để răn dạy cho cháu con.

Bài 2:

虛空

雄心生渴望
見時必成功
老回如風雨
成敗忽虛空

Phiên âm

HƯ KHÔNG

Hùng tâm sinh khát vọng
Kiến thời tất thành công
Lão hồi như phong vũ
Thành bại hốt hư không.

Dịch nghĩa

HƯ KHÔNG

Có lòng hào hiệp sẽ có khát vọng
Gặp được thời ắt phải thành công
Về già ngoảnh lại, tất cả như chuyện mưa gió
Thành hay bại bỗng chốc chỉ là hư không.

Tác giả: Nguyễn Thanh Huy (Cư sĩ Duy Huệ) - Đại học Khánh Hòa



Bài 3: Kiến Nguyệt

見月

雲消黃月美麗鋪
睽睽煙波浩浩湖
坐見月明懷故事
長途異客想誰無

Phiên âm:

KIẾN NGUYỆT

Vân tiêu hoàng nguyệt mỹ lệ phô
Thiểm thiểm yên ba hạo hạo hồ
Tọa kiến nguyệt minh hoài cố sự
Trường đồ dị khách tưởng thù vô

Dịch nghĩa:

NGẮM TRĂNG

Mây tan ánh trăng vàng lộng lẫy phô bày
Sóng nước long lanh mặt hồ bát ngát
Ngồi nhìn trăng chiếu lòng nhớ về những chuyện xưa
Đường dài khách lạ đang nhớ tới ai chăng?

Bài 4: Dạ Điểu Thanh

夜鳥聲

烈酒乾杯愁波浪

夜添烏哭夜彌喪
月沉雲蓋燈滅了
唯聲鳥唳憶滄茫

Phiên âm:

DẠ ĐIỀU THANH

Liệt tửu can bôi sầu ba lãng
Dạ thiên ô khốc dạ di tang
Nguyệt trâm vân cái đặng diệt liễu
Duy thanh điệu lệ ức thương mang

Dịch nghĩa:

TIẾNG CHIM ĐÊM

Rượu nồng uống cạn nỗi sầu dâng lên
Trời đêm lại thêm tiếng quạ kêu nghe thật tang thương
Mây che, ánh trăng lặn mất, ngọn đèn đêm leo lét
Chỉ một tiếng chim kêu mà lòng thấy nhớ mênh mang

Nguyễn Ngọc Minh - Giảng viên đại học Thủy lợi

175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội